TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DSST
Ngày: 17 - 10 - 2018
V/v: " Tr/c Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Phạm Huy Cảm

2. Ông: Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thanh Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Triệu Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2018/TLST-DS ngày 26/6/2018 về việc " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST- DS ngày 11/9/2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST- HPT ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H

Địa chỉ: Số nhà 012, đường M, tổ 11, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P

Địa chỉ: Số nhà 181, đường N, tổ 28B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Q

Địa chỉ: Số nhà 012, đường M, tổ 11, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Ngày 18/12/2015 chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn Q có cho chị Nguyễn Thị P vay số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), khi cho vay tiền tự tay chị P viết

giấy biên nhận vay tiền và có ghi lãi 100 x 1nghìn/1ngày tức 03 triệu trên tháng và 100 x 1,5 nghìn/1ngày tức 4,5 triệu một tháng. Chị P cam kết sẽ trả hết số tiền trên cho vợ chồng chị vào ngày 18/12/2016, nếu sai chị P chịu hoàn toàn trước pháp luật. Kể từ khi chị P vay tiền cho đến nay chị P trả cho vợ chồng chị được 03 tháng tiền lãi tính từ khi vay đến ngày 18/3/2016. Từ ngày 19/3/2016 đến nay chị P không trả tiền lãi cho vợ chồng chị. Vợ chồng chị đã nhiều lần đến gặp chị P đòi tiền nhưng chị P cứ khất lần mãi và đến ngày 30/6/2017 chị P có viết giấy cam kết với vợ chồng chị xin được trả dần mỗi tháng là 20 triệu đồng thì vợ chồng chị cũng đồng ý, xong chị P chỉ viết và nói như vậy mà không thực hiện đúng như đã hứa với vợ chồng chị. Đến nay chị Phạm Thị H xác định chị Nguyễn Thị P còn nợ của vợ chồng chị số tiền gốc vay là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng)* và khoản tiền lãi tính từ ngày 19/3/2016 đến ngày xét xử với thời gian là 02 năm 06 tháng 28 ngày, tính mức lãi xuất là 1,5 %/tháng, cụ thể là: 200.000.000đ x 1,5% x 30 tháng 28 ngày = 92.800.000đ. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi vợ chồng chị yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải trả là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày: Đúng như chị Phạm Thị H vợ anh đã trình bày. Vợ chồng anh có cho chị Nguyễn Thị P vay số tiền 200 triệu đồng vào ngày 18/12/2015, chị P là người viết giấy vay tiền và tự ghi lãi xuất vào giấy vay là sẽ trả cho vợ chồng anh là 100 x 1 nghìn /1 ngày và 100 x 1,5 nghìn/1 ngày và hẹn ngày trả tiền, sau khi vay tiền chị P có trả lãi cho vợ chồng anh được 03 tháng sau đó không thấy chị P trả. Vợ chồng anh đã đến gặp chị P để đòi nhiều lần nhưng chị P cứ khất lần sau đó viết giấy cam kết trả mỗi tháng là 20 triệu đồng anh chị cũng đồng ý nhưng rồi chị P cũng không trả, thời gian gần đây chị P cố tình chốn tránh không có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền đã vay. Thời hạn trả tiền đã quá lâu nhưng chị P không có trách nhiệm gì, vì vậy anh cũng nhất trí như ý kiến quan điểm của vợ anh chị H là yêu cầu chị P phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh số tiền gốc vay còn nợ là 200 triệu đồng và khoản tiền lãi theo như chị H yêu cầu. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

Bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị công nhận là có vay của vợ chồng chị Phạm Thị H số tiền 200 triệu đồng, khi vay chị là người viết giấy vay và ký nhận vay tiền. Sau khi vay tiền của vợ chồng chị H thì hàng tháng chị có trả tiền lãi cho chị H, sau đó một thời gian do chị làm ăn bị thua lỗ nên không có tiền để trả có xin khất và được vợ chồng chị H đồng ý, chị có viết giấy cam kết cho chị trả dần mỗi tháng 20 triệu nhưng do cũng không có điều kiện để trả cho chị H theo như cam kết nên vợ chồng chị H đã đến nhà chị chửi bới, chồng chị H còn đập cốc chén tại nhà chị làm ầm ĩ cả tổ dân phố và thực tế Công an phường P có đến giải quyết sự việc xảy ra. Đến nay chị xác định có nợ vợ chồng chị H số tiền gốc vay là 200 triệu đồng và khoản tiền lãi xuất thì chị đã trả cho vợ chồng chị H được hết năm 2016, chỉ từ tháng 01 năm 2017 chị chưa trả được lãi cho vợ chồng chị H. Quan điểm của chị là sẽ có trách nhiệm trả cho chị H số tiền gốc chị đã vay còn khoản tiền lãi thì chị xin

không phải trả vì hiện nay chị gặp khó khăn, làm ăn bị thua lỗ không thể có điều kiện trả cả gốc và lãi như vợ chồng chị H yêu cầu.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố L đã triệu tập hợp lệ nhiều lần các đương sự tham gia tố tụng đến Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng chỉ có nguyên đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q có mặt còn bị đơn chị Nguyễn Thị P đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (Niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự). Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai bị đơn chị Nguyễn Thị P có mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử; Viện Kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền gốc vay còn nợ là 200 triệu đồng và khoản lãi xuất tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30 tháng 28 ngày, với mức lãi xuất 1,5%/tháng, cụ thể tiền lãi là 92.800.000đ. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi buộc chị Nguyễn Thị P phải trả là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P nhưng chị P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan với bên nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho vợ chồng anh chị số tiền tổng cộng cả gốc và lãi là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 22 tháng 6 năm 2018 chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho vợ chồng chị số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng và khoản tiền lãi xuất)* vì lý do chị Nguyễn Thị P có vay và viết giấy ký nhận vay tiền. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L xem xét, giải quyết, xác định mối quan hệ pháp luật phải giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị H. Tòa án nhận định:

Ngày 18/12/2015 vợ chồng chị Phạm Thị H có cho chị Nguyễn Thị P vay số tiền 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), khi vay tiền chị P có viết giấy biên nhận và ký nhận vay tiền, trong giấy biên nhận vay tiền chị P có ghi " lãi 100 x 1nghìn/1ngày và 100 x 1,5 nghìn/1ngày". Chị P cam kết sẽ trả hết số tiền trên vào ngày 18/12/2016, nếu sai chị P chịu hoàn toàn trước pháp luật. Theo chị Phạm Thị H khai thì từ khi chị P vay tiền của vợ chồng chị cho đến nay chị P có trả cho vợ chồng chị được 03 tháng tiền lãi tính từ 18/12/2015 đến 18/3/2016.Từ ngày 19/3/2016 đến nay chị P không trả tiền lãi cho vợ chồng chị H và qua nhiều lần đến gặp đòi tiền chị P chỉ khất lần và đến ngày 30/6/2017 chị P có viết giấy cam kết xin được trả dần mỗi tháng số tiền 20 triệu đồng, sau đó chị P cũng không thực hiện việc trả tiền đã vay cho vợ chồng chị. Đến nay chị H xác định chị Nguyễn Thị P còn nợ vợ chồng chị số tiền gốc vay là 200 triệu đồng và khoản tiền lãi tính từ ngày 19/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với thời gian là 02 năm 06 tháng 28 ngày (Tức 30 tháng 28 ngày), tính mức lãi xuất là 1,5 %/tháng với số tiền lãi là 92.800.000đ. Tổng cộng số tiền cả gốc và lãi vợ chồng chị Phạm Thị h yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải trả là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Còn phía bị đơn chị Nguyễn Thị P thừa nhận có vay và nợ vợ chồng chị H số tiền gốc vay là 200 triệu đồng, nhưng khoản tiền lãi xuất thì chị trình bày đã trả được cho vợ chồng chị H đến hết năm 2016. Hiện nay do chị làm ăn thua lỗ, điều kiện khó khăn cho chị xin không phải trả khoản lãi. Xong phía nguyên đơn không đồng ý mà vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn chị Nguyễn Thị P thừa nhận thực tế có vay của vợ chồng chị Phạm Thị H số tiền 200 triệu đồng, thể hiện tại giấy biên nhận vay tiền ngày 18/12/2015, khi vay chị P là người viết giấy ký nhận vay tiền, ghi rõ lãi xuất và hẹn 01năm sau là ngày 18/12/2016 chị P sẽ trả số tiền trên cho vợ chồng chị H, quá thời hạn trả nợ vợ chồng chị H đã nhiều lần đến gặp chị P đòi tiền nhưng chị P không trả được và có khất hứa nhiều lần. Đến ngày 30/6/2017

chị P có viết giấy cam kết xin được trả dần cho vợ chồng chị H mỗi tháng là 20 triệu đồng cho đến khi trả hết số tiền đã vay thì vợ chồng chị H cũng đồng ý, xong đã quá thời hạn theo giấy chị P cam kết nhưng chị P vẫn không trả, đã nhiều lần vợ chồng chị H đến gặp đòi tiền nhưng chị P có ý trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Việc chị P thừa nhận có vay và còn nợ vợ chồng chị H số tiền 200 triệu đồng, đến nay thực tế chị P chưa trả số tiền đã vay trên cho vợ chồng chị H. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận để buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền gốc vay còn nợ là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về khoản tiền lãi suất: Theo bị đơn chị Nguyễn Thị P cho rằng chị đã trả lãi cho vợ chồng nguyên đơn được đến hết năm 2016, nhưng bị đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc bị đơn trình bày là có căn cứ pháp luật, do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận. Về khoản tiền lãi theo nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn yêu cầu, tính từ ngày 19/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 17/10/2018, với thời gian là 30 tháng 28 ngày, với mức lãi xuất 1,5 %/ tháng xét thấy là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy cần chấp nhận để tính khoản tiền lãi suất cụ thể như sau: 200.000.000đ x 1,5% x 30 tháng 28 ngày = 92.800.000đ (*Chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

Như vậy tổng cộng số tiền cả gốc và lãi cần buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải trả cho vợ chồng chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*).

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ Luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q tổng cộng số tiền cả gốc và lãi là 292.800.000đ (*Hai trăm chín mươi*

hai triệu tám trăm nghìn đồng). Cụ thể phần của mỗi người được trả như sau: Chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q mỗi người số tiền là 146.400.000đ (*Một trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).*

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 14.640.000đ (*Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn chị Phạm Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5000.000đ*(Năm triệu đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005242 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Về nghĩa vụ thi hành án*:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị H, bị đơn chị Nguyễn Thị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thiên Hương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSNDTPL;
- Chi cục THADSTPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Tập án;